

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 2925/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị
trung tâm xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
(giai đoạn 2010-2025)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ QCVN 01/2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung xây dựng đô thị thị trấn Tân Thạch, huyện Châu Thành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 133/TTr-SXD ngày 24 tháng 12 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị trung tâm xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đồ án quy hoạch: quy hoạch chung xây dựng đô thị trung tâm xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Địa điểm quy hoạch: xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quy mô diện tích: 96,6ha.

4. Tỷ lệ: 1/2000.

5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

6. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc và xây dựng Chí Tường.

7. Phạm vi và ranh giới đô thị:

Trung tâm xã Tân Thạch nằm trên đường quốc lộ 60 ở vị trí trung tâm tiểu vùng, có ranh giới và phạm vi nghiên cứu như sau:

- Phần đất đai hiện có tại trung tâm xã Tân Thạch.

- Phần đất phát triển về phía Bắc được giới hạn bởi sông Tiền.

- Phần đất phát triển về phía Nam dọc theo quốc lộ 60 cách ngã 4 trung tâm xã khoảng 850m.

- Phần đất phát triển về phía Tây dọc theo quốc lộ 60 cách quốc lộ 60 khoảng 250m.

- Phần đất phát triển về phía Đông giáp với rạch Miếu.

8. Tính chất, chức năng của đô thị:

- Trung tâm xã Tân Thạch được nâng cấp thành đô thị loại V là trung tâm kinh tế - thương mại - văn hoá của xã Tân Thạch (thị trấn vùng).

- Trung tâm xã Tân Thạch còn có chức năng là đô thị vệ tinh hỗ trợ thị trấn Châu Thành (thị trấn Châu Thành là thị trấn huyện lỵ).

- Trung tâm xã Tân Thạch là trung tâm kinh tế, kỹ thuật và phục vụ công cộng của tiểu vùng bao gồm các xã: Quới Sơn, An Khánh, An Hoà và An Phước.

9. Quy mô dân số, đất đai đô thị:

a) Quy mô dân số:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020 là 5.000 dân.
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2025 là 8.000 dân.

b) Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020 là 71,92ha.
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2025 là 96,6ha.

10. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hướng phát triển đô thị:

a) Các chỉ tiêu kỹ thuật:

- Tầng cao xây dựng trung bình: 1,5 tầng.

Trong đó:

- + Nhà 1 tầng: 40%.
- + Nhà 2 tầng: 50%.
- + Nhà 3 tầng: 5%.
- + Nhà 4-5 tầng: 5%.
- Chỉ tiêu đất dân dụng:
 - + Chỉ tiêu đất ở: 49,60m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất giao thông: 11,23m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất công trình công cộng: 8,89m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất cây xanh: 9,67m²/người.
- Chỉ tiêu đất sản xuất:
 - + Chỉ tiêu đất công nghiệp - TTCN: 14m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất kho tàng: 1,32m²/người.
- Chỉ tiêu diện tích sàn nhà:
 - + Giai đoạn ngắn hạn: 12m²/người.
 - + Giai đoạn dài hạn: 18m²/người.

b) Hướng phát triển đô thị:

Đô thị trung tâm xã Tân Thạch có hướng phát triển về phía Đông của quốc lộ 60 và về phía Nam của trung tâm xã hiện hữu.

11. Cơ cấu tổ chức không gian đô thị:

Bao gồm các khu sau đây:

a) Khu dân cư:

Được phân thành 3 đơn vị ở:

- Trung tâm khu ở 1: nằm gần khu trung tâm văn hoá (đình Tân Thạch) với mục tiêu phục vụ cho khoảng 3.000 dân nằm về phía Bắc.

- Trung tâm khu ở 2: nằm phía Nam đô thị có vị trí tại trạm y tế hiện hữu với mục tiêu phục vụ cho khoảng 3.000 dân ở phía Đông - Nam.

- Trung tâm khu ở 3: nằm phía Tây đô thị có vị trí tiếp giáp với QL.60 với mục tiêu phục vụ cho khoảng 2.000 dân ở phía Tây.

b) Hệ thống các công trình công cộng:

Các trung tâm công cộng: là nơi tổ chức các hoạt động của nhân dân sinh hoạt các mặt về văn hoá, kinh tế, xã hội, chính trị.... Có 2 cấp phục vụ: cấp phục vụ cho khu nhà ở và cấp phục vụ cho toàn thị.

- Khu hành chính:

Được bố trí tại khu vực ngã tư về phía Đông - Nam. Tại đây hình thành khu hành chính - chính trị tập trung bao gồm các công trình thuộc các khối Đảng, quản lý Nhà nước, các đoàn thể, mặt trận. Tại đây thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân do tiếp cận đường trung tâm và QL.60.

- Khu văn hoá:

Khu văn hoá bao gồm các công trình như: hội trường văn hoá, nhà văn hoá, thư viện, triển lãm, nhà thiếu nhi,... Bố trí thành một khu gắn kết với đình Tân Thạch kết hợp với công viên cây xanh, cảnh quan sông nước của sông Tiền tạo thành một khu mang bản sắc riêng của đô thị.

- Khu giáo dục:

Trên cơ sở các trường hiện hữu phát triển, mở rộng ngoài ra các nhà trẻ, mẫu giáo, được bố trí xen trong các khu ở.

- Khu y tế:

Được quy hoạch tại vị trí phía Nam đô thị, tiếp cận với đường trục chính.

Ngoài ra còn có các trạm y tế phục vụ khu nhà ở, được bố trí tại các trung tâm.

- Khu thương mại:

Khu chợ, thương mại được xây dựng ở khu vực trung tâm đô thị, tại vị trí gần đường trục chính và gần kề sông Tiền thuận lợi cho việc tiếp cận phục vụ.

c) Hệ thống trung tâm TDTT, công viên cây xanh:

Khu TDTT, công viên cây xanh bố trí phía Đông - Nam đô thị tiếp giáp với rạch Miếu, tận dụng địa hình sông rạch sẵn có. Khu TDTT bao gồm sân vận động, liên hợp các công trình TDTT trong và ngoài nhà nhằm đáp ứng nhu cầu rèn luyện thân thể của người dân đô thị. Cây xanh đô thị rất có tác dụng điều hoà vi khí hậu, cải thiện môi trường sống, làm không khí mát mẻ trong lành và có tác dụng làm đẹp đô thị.

- Các khu vườn hoa còn được bố trí tại trung tâm các khu ở và xen lẫn khu dân cư.

d) Khu sản xuất CN, TTCN, bến bãi:

- Khu tiểu thủ công nghiệp: được bố trí phía Tây, giáp sông, cạnh trục giao thông. Các thành phần sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng môi trường và dân cư sẽ tập trung tại khu sản xuất này.

- Bãi xe vận chuyển hành khách lên xuống hàng hoá:

Được bố trí cạnh khu công nghiệp phía ngoài khu trung tâm nhằm đáp ứng vận tải hành khách và vận tải hàng hoá.

- Bến đò:

Được bố trí tại bến phà cũ.

e) Khu nghĩa địa nhân dân, bãi rác: được bố trí ngoài đô thị.

12. Cơ cấu sử dụng đất:

a) Cơ cấu sử dụng đất giai đoạn dài hạn 2010-2025 (quy mô 8.000 dân):

Bảng cân bằng đất đô thị (giai đoạn 2010-2025)

STT	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn (m ² /người)	Tiêu chuẩn thiết kế (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất dân dụng	80	79,43	63,55	65,79
02	Đất cây xanh cách ly + du lịch			8,48	8,78

03	Đất giao thông đối ngoại			6,68	6,90
04	Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (nghề truyền thống)	12-15	15,32	12,26	12,69
05	Đất dự phòng phát triển			5,63	5,84
Tổng				96,60	100

Bảng cân bằng đất dân dụng (giai đoạn 2010-2025)

STT	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn (m ² /người)	Tiêu chuẩn thiết kế (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất ở - Đất nhà cải tạo - Đất nhà chia lô - Đất nhà vườn	45-55	49,60	39,68	62,43
02	Đất giao thông	10-12	11,23	8,99	14,14
03	Đất công trình công cộng	3-3.5	8,89	7,14	11,25
04	Đất cây xanh - TĐTT	12-14	9,67	7,74	12,18
Tổng				63,55	100

b) Cơ cấu sử dụng đất giai đoạn ngắn hạn 2010-2020 (quy mô 5.000 dân):

Bảng cân bằng đất đô thị (giai đoạn 2010-2020)

STT	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn (m ² /người)	T.C thiết kế (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất dân dụng	80	104,16	52,08	72,41
02	Đất cây xanh cách ly + du lịch			8,48	11,79
03	Đất giao thông đối ngoại			3,42	4,75
04	Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (nghề truyền thống)	12-15	4,62	2,31	3,21
05	Đất dự phòng phát triển			5,63	7,84

	Tổng			71,92	100
--	-------------	--	--	--------------	------------

Bảng cân bằng đất dân dụng (giai đoạn 2010-2020)

STT	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn (m ² /người)	Tiêu chuẩn thiết kế (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất ở - Đất nhà cải tạo - Đất nhà chia lô - Đất nhà vườn	45-55	60,32	30,16	57,91
02	Đất giao thông	10-12	13,98	6,99	13,42
03	Đất công trình công cộng	3-3.5	14,38	7,19	13,80
04	Đất cây xanh - TDTT	12-14	15,48	7,74	14,87
	Tổng			52,08	100

13. Nguồn cấp, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Xác định cao độ khống chế như sau:

+ Đối với khu trung tâm hiện hữu, khu nhà ở tập trung đã xây dựng ổn định: chọn $H_{xd} \geq$ cao độ mặt đường chính đô thị hoặc quốc lộ hiện hữu trong đô thị.

+ Đối với khu đô thị mới, khu công nghiệp ngoài ranh khu trung tâm hiện hữu, chọn $H_{xd} \geq 2,20m$.

- Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa của thị trấn là hệ thống thoát nước riêng. Hệ thống tuyến mương được bố trí theo dọc các trục đường chảy thẳng ra kênh, rạch gần nhất.

b) Giao thông, bến bãi:

- Tổ chức giao thông:

Hệ thống đường giao thông theo bố cục ô cờ và chủ yếu dựa trên các tuyến giao thông hiện có như: tuyến quốc lộ 60, tuyến đường đi xã An Khánh, Quới Sơn, các tuyến đường nhánh hiện có.... Các tuyến đường này được cải tạo mở rộng làm khung sườn cho phát triển thêm tuyến nhánh, chức năng và vị trí của các tuyến như sau:

+ Đường phố chính đô thị theo chiều dọc: trục quốc lộ 60 được quy hoạch thành đường phố chính xuyên suốt theo chiều dài đô thị.

+ Đường phố chính đô thị theo chiều ngang: gồm có 02 trục chính là: đường đi xã An Khánh, Quới Sơn qua trung tâm xã Tân Thạch.

+ Đường vành đai: đi từ khu cửa ngõ phía Nam của trung tâm đô thị, bao quanh trung tâm để gặp đường phố chính khu vực đi xã An Khánh, Quới Sơn.

+ Các tuyến giao thông khu vực:

Trên cơ sở tuyến giao thông chính và vành đai, các tuyến giao thông khu vực chia cắt đô thị thành từng khu phố dạng ô cờ, hầu hết được dựa trên nền của tuyến đường hiện có.

- Tổ chức bến bãi:

Xây dựng mới bến bãi lên xuống hàng hoá tại khu vực trung tâm, gồm:

+ Bến đò: tại khu thương mại, cặp bờ sông Tiền tại bến phà cũ. Diện tích: 0,05ha.

+ Bến xe: trên đường chính khu vực đi xã An Khánh nằm cạnh khu tiểu thủ công nghiệp. Diện tích: 0,76ha.

- Mặt cắt các tuyến đường và chỉ giới xây dựng:

Bảng thống kê quy mô các tuyến đường

STT	Loại đường	Mặt cắt ngang	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)		
				Mặt đường	Via hè	Lộ giới
01	Quốc lộ 60	Cắt 1-1	1.070	13	6 x 2	25
02	Đường chính đô thị	Cắt 2-2	2.525	10	5 x 2	20
03	Đường nhánh ai ở th	Cắt 3-3	3.819	9	4 x 2	17
04	Đường khu vực	Cắt 4-4	2.986	7,5	4 x 2	15,5
05	Đường nội bộ khu vực	Cắt 5-5	1.238	6	3 x 2	12
06	Đường nội bộ khu vực	Cắt 6-6	193	4	2 x 2	8
Tổng cộng			11.831			

c) Cấp nước đô thị:

- Tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước:

+ Quy mô dân số: 8.000 người.

+ Tiêu chuẩn dùng nước: 120l/người.ngày.

+ Tổng nhu cầu dùng nước cho đô thị: 1.788,5m³.

- Nguồn nước:

Dự kiến lấy nguồn nước từ nhà máy nước dự kiến xây dựng ở xã Tân Phú.

- Khối lượng đường ống:

Xây dựng mới khoảng 18.125m ống các loại từ D60-D300.

d) Cấp điện đô thị:

- Nguồn điện:

Trung tâm đô thị xã Tân Thạch sử dụng điện qua tuyến 22KV lấy từ nguồn điện quốc gia tại trạm biến áp 110/22KV Châu Thành.

- Quy mô khối lượng đường dây:

+ Tổng công suất trạm hạ thế: 4.050KVA bao gồm 21trạm.

+ Khối lượng xây lắp hệ thống cấp điện cho đô thị: 20.254m.

e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Lượng thoát nước thải tính toán:

Lượng nước thải được tính toán bằng 80% lưu lượng cấp nước

STT	Danh mục	Lưu lượng nước cấp m ³ /ngày/đêm	Lưu lượng nước thải m ³ /ngày/đêm
01	Nước sinh hoạt	960	768
02	Nước phục vụ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	96	77
	Cộng	1.056	845

- Hệ thống thoát nước thải:

Căn cứ vào địa hình hiện có Đồ án phân chia thành 3 lưu vực thoát nước:

+ Lưu vực thoát nước bản số 1: phục vụ cho khu dân cư thuộc đơn vị ở số 1 nằm về phía Bắc của đô thị, diện tích lưu vực khoảng: 40ha, dân số khoảng 3.000 người. Nước thải được dẫn về trạm xử lý số 1, công suất 250m³/ngày, F= 0,1ha xây

dựng tại khu cây xanh phòng hộ. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra sông Tiền.

+ Lưu vực thoát nước số 2: phục vụ cho khu dân cư thuộc đơn vị ở số 2 nằm về phía Đông của đô thị, diện tích lưu vực khoảng: 36,6ha, dân số khoảng 3.000 người. Nước thải được dẫn về trạm xử lý số 2, công suất 200m³/ngày, F= 0,1ha xây dựng tại khu đất phòng hộ và du lịch. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra rạch Miếu.

+ Lưu vực thoát nước số 3: phục vụ cho khu dân cư thuộc đơn vị ở số 3 nằm về phía Tây của đô thị, diện tích lưu vực khoảng: 20,6ha, dân số khoảng 2.000 người. Nước thải được dẫn về trạm xử lý số 3, công suất 150m³/ngày, F= 0,1ha xây dựng tại khu đất bên bãi. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra sông Tiền.

- Khối lượng công thoát nước thải:

Tổng chiều dài mạng cống thoát nước khu vực nội thị: 15.807m.

- Công nghệ xử lý:

Toàn bộ nước thải dẫn đến trạm xử lý tập trung xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả vào nguồn.

- Xử lý rác và chất thải rắn:

Khối lượng rác và chất thải rắn khu vực trung tâm dự kiến thải ra trong ngày:

$$Q=8.000 \text{ người} \times (0,7-0,8)\text{kg/người} = 5.600 - 6.400\text{kg/ngày}.$$

- Nhà vệ sinh công cộng:

+ Trên các trục phố chính trung tâm, khu thương mại, công viên, nơi sinh hoạt công cộng.... đều phải bố trí nhà vệ sinh công cộng.

+ Khoảng cách các nhà vệ sinh công cộng trên các trục phố chính không >2km.

- Nghĩa địa:

Nghĩa địa tập trung của đô thị trung tâm xã Tân Thạch dự kiến quy hoạch trong vùng ngoại thị.

14. Các quy định về kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Khi xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp công trình kiến trúc đô thị phải phù hợp quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ giấy phép xây dựng và các quy định tại quy chế quản lý kiến trúc đô thị của thị trấn.

- Không được tạo thêm kết cấu bằng bất kỳ loại vật liệu nào nhằm tăng diện tích hoặc xây dựng coi nói, chiếm dụng không gian đô thị. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính và phải dỡ bỏ theo quy định của pháp luật.

- Kiến trúc đô thị xây dựng mới theo quy hoạch xây dựng được duyệt hoặc khi được phép chỉnh trang, cải tạo phải đảm bảo mỹ quan, an toàn, phù hợp với không gian xung quanh, đặc biệt đối với các công trình có mặt đứng đối diện với đường phố, mặt biển, sông, kênh, rạch, hồ nước.

- Phần đất còn lại khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy hoạch phải có đủ diện tích, hình dạng theo quy định của Luật Xây dựng và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị của chính quyền thị trấn mới được cấp phép xây dựng.

- Khi cải tạo, chỉnh trang, phục hồi, duy tu các công trình cổ không được dùng vật liệu khác biệt về tính chất, màu sắc để thay thế vật liệu vốn có của công trình đó.

- Đối với các công trình kiến trúc xây dựng mới trong khu vực được công nhận là di sản kiến trúc phải sử dụng các loại vật liệu tương đồng về màu sắc, chất liệu với công trình vốn có của khu vực.

- Mặt ngoài công trình kiến trúc đô thị không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây chói lóa hoặc phản xạ quá tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn cho sức khỏe con người.

15. Đánh giá môi trường chiến lược:

a) Dự báo các tác động môi trường:

- Ô nhiễm nước mặt.
- Ô nhiễm nước ngầm.
- Ô nhiễm không khí.
- Ô nhiễm tiếng ồn.
- Ô nhiễm do rác thải.

b) Đề xuất các giải pháp giảm thiểu:

- Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.
- Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong giai đoạn thi công xây dựng.
- Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong giai đoạn đưa vào sử dụng.

c) Chương trình quản lý môi trường:

Thực hiện biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công xây dựng thị trấn huyện lỵ là việc làm tất yếu. Chi tiết sẽ được tiếp tục nghiên cứu đề xuất trong các giai đoạn sau, bao gồm: hạng mục, tần suất, vị trí quan trắc và kinh phí cho hoạt động này.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch chung được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị trung tâm xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được phê duyệt đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển các mốc khu quy hoạch theo nội dung quy hoạch ra thực địa, bàn giao cho chủ đầu tư cùng Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành quản lý theo đúng hồ sơ đã được duyệt.

3. Căn cứ quy hoạch được duyệt Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phối hợp các sở, ngành có chức năng liên quan có trách nhiệm quản lý việc xây dựng trong phạm vi vùng quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Khi bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy, chữa cháy để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng.

5. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch và phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng theo trình tự quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Điện lực, Bưu điện tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hiếu